

Số: 1350/BC-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát sinh viên về thi kết thúc học phần năm học 2017- 2018

Công tác khảo sát ý kiến sinh viên về thi kết thúc học phần năm học 2017-2018 được thực hiện theo kế hoạch số 788/KH-ĐHYDCT ngày 20/6/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

I. Mục đích

Kết quả khảo sát sinh viên về thi kết thúc học phần năm học 2017- 2018 sẽ cung cấp một kênh thông tin, giúp Nhà trường, các khoa/bộ môn và các đơn vị hỗ trợ đào tạo cải tiến liên tục các hình thức, phương pháp, nội dung kiểm tra đánh giá.

Hoạt động khảo sát giúp Nhà trường cải tiến quy trình khảo sát, bộ công cụ ngày càng khoa học, hợp lý và hiệu quả hơn.

Hoạt động khảo sát cũng đã tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng và được thể hiện chính kiến của mình về quy trình tổ chức; các hình thức; nội dung, kết quả kiểm tra đánh giá và sự công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

II. Tổ chức khảo sát

2.1 Đối tượng khảo sát

Các đối tượng được khảo sát bao gồm 10 đối tượng: sinh viên chính quy (Dược K41, Y K42, RHM K 42, YTCC K42, YHCT K43, XN K43), sinh viên tập trung 4 năm (Y K30, Dược K30, Y K31, YHCT K31), ít hơn so với kế hoạch: đối tượng khảo sát bao gồm tất cả người học của tất cả các ngành đào tạo đại học của hệ chính quy, hệ tập trung 4 năm, Học viên cao học, bác sĩ nội trú, bác sĩ Chuyên khoa I

2.2 Nội dung khảo sát

Bộ câu hỏi khảo sát được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định về tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục tại Thông tư 12/2017/BGDĐT và tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo tại Thông tư 04/2016/BGDĐT, gồm Tổ chức kiểm tra đánh giá;

- Đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá;
- Chấm và công bố kết quả kiểm tra đánh giá;
- Phúc khảo kết quả đánh giá;
- Mức độ hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường

2.3 Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch.

- Bộ câu hỏi được tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo và khảo sát trực tuyến từ ngày 30/6/2018 đến ngày 31/7/2018.

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống quản lý đào tạo qua phần mềm văn phòng xử lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

2.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát được ý kiến của 1837/2033 sinh viên (tỉ lệ 83.39%) của 10 đối tượng: sinh viên chính quy (Dược K41, Y K42, RHM K 42, YTCC K42, YHCT K43, XN K43), sinh viên tập trung 4 năm (Y K30, Dược K30, Y K31, YHCT K31) (bảng 1)

Bảng 1. Số lượng và tỉ lệ sinh viên tham gia khảo sát

TT	Nhóm/ ngành	Số lượng của nhóm	SL sinh viên trả lời khảo sát	Tỷ lệ khảo sát (%)
Sinh viên chính quy			1104	81.90
1	Dược K41	130	122	93.85
2	Y K42	934	776	83.08
3	RHM K 42	84	56	66.67
4	YTCC K42	09	9	100.00
5	YHCT K43	93	71	76.34
6	XN K43	98	70	71.43
Sinh viên tập trung 4 năm			733	85.73
7	Y K30	294	275	93.54
8	Dược K31	58	50	86.21
9	Y K31	452	367	81.19
10	YHCT K31	51	41	80.39
	Tổng	2203	1837	83.39

2.2 Ý kiến về quy trình kiểm tra đánh giá học kỳ II năm học 2017-2018

>88% sinh viên hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường và các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi. Có đến 63.95% sinh viên chưa thực sự hài lòng về nội dung “Các phương pháp đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học” (bảng 2)

Bảng 2. Nhận xét chung của sinh viên về quy trình kiểm tra đánh giá thi Lý thuyết

TT	Nội dung	Rất Hài lòng	Hài lòng	Tạm chấp nhận	Ít Hài lòng	Không Hài lòng	Tỷ lệ ≥đồng ý
1	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	32.81	55.60	10.07	1.20	0.33	88.41
2	Các phương pháp đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	23.18	45.87	20.89	7.62	2.45	69.05
3	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	32.21	56.47	10.17	0.98	0.16	88.68

Về công tác tổ chức kiểm tra đánh giá thi lý thuyết; có 89.8% sinh viên đồng ý và rất đồng ý, trong đó đồng ý nhiều nhất về “Thông báo lịch thi kịp thời” và “Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng” (bảng 3)

Bảng 3. Ý kiến của sinh viên về công tác tổ chức kiểm tra đánh giá thi Lý thuyết

TT	Nội dung	Rất đồng ý	ĐỒNG ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	31.39	54.79	11.64	1.80	0.38
2	Thông báo lịch thi kịp thời	42.33	52.34	4.79	0.44	0.11
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	30.52	49.84	15.23	3.43	0.98
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	38.57	55.66	5.06	0.44	0.22
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	41.46	52.07	5.66	0.54	0.27
	Tổng	36.86	52.94	8.48	1.33	0.39

Chỉ có 83.11% sinh viên đồng ý và rất đồng ý về đề thi của các học phần, trong đó ít đồng ý nhất về “Nội dung đề thi, đáp án không sai sót” ” (bảng 4)

Chỉ có 78.65% sinh viên đồng ý và rất đồng ý về các hình thức thi lý thuyết, trong đó ít đồng ý nhất về hình thức “Trắc nghiệm chạy trạm” (27.96%) và “Trắc nghiệm trên máy tính” (34.44%) (bảng 5)

Bảng 4. Ý kiến của sinh viên về đề thi của các học phần

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	29.00	56.53	12.73	1.25	0.49
2	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	31.56	55.60	11.26	1.36	0.22
3	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	27.97	55.66	13.44	2.29	0.65
4	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	27.86	51.41	16.43	3.75	0.49
5	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	27.58	55.33	13.76	2.61	0.71
6	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	26.33	53.86	15.67	3.10	0.98
	Tổng	28.38	54.73	13.88	2.39	0.59

Bảng 5. Ý kiến của sinh viên về các hình thức thi lý thuyết

T	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Tự luận	33.62	54.62	9.85	1.41	0.49
2	Trắc nghiệm thường	32.48	56.26	9.63	1.31	0.33
3	Trắc nghiệm chạy trạm	26.99	45.05	17.36	7.45	3.16
4	Trắc nghiệm trên máy tính	21.22	44.34	17.08	12.30	5.06
	Tổng	28.58	50.07	13.48	5.62	2.26

Chỉ có 81.63% sinh viên đồng ý và rất đồng ý về công tác chấm và công bố kết quả thi, trong đó ít đồng ý nhất về “Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học” (bảng 6). Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý cao về công tác phúc khảo điểm thi (bảng 7)

Bảng 6. Ý kiến sinh viên về công tác chấm và công bố kết quả thi

TT	Ngành học	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	28.07	55.22	13.93	2.01	0.76
2	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	27.97	53.75	14.58	2.61	1.09
3	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	25.41	54.46	16.00	3.43	0.71
	Tổng	27.15	54.48	14.83	2.68	0.85

Bảng 7. Ý kiến của sinh viên về quy trình phúc khảo kết quả thi

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý
1	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	27.75	56.53	13.17	2.01	0.54
2	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	29.65	56.80	11.48	1.80	0.27

2.3 Ý kiến của từng khóa/ngành sinh viên về quy trình kiểm tra đánh giá

2.3.1 Sinh viên chính quy

Dược K41: Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý >90% về các nội dung: Thông báo lịch thi kịp thời; cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng. Còn lại hầu hết các tiêu chí đều có tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý <80%. Có những tiêu chí có tỷ lệ rất thấp <70%, như: sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng; nội dung đề thi, đáp án không sai sót; đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học; các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học; trắc nghiệm chạy trạm; trắc nghiệm trên máy tính; thời gian công bố điểm thi phù hợp (bảng 8)

RHM K42: Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý >90% về các nội dung: Thông báo lịch thi kịp thời; cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng; bố trí các học phần tập trung

theo học kỳ là phù hợp; các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi hình thức trắc nghiệm thường.

Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý <80% về các nội dung Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần; đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học; các phương pháp đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học; trắc nghiệm chạy trạm; trắc nghiệm trên máy tính; Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch (bảng 9)

Y K42: Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý >90% về các nội dung: Thông báo lịch thi kịp thời; cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng; bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp.

Có 12/23 tiêu chí có tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý <80% về các nội dung: Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng, Nội dung đề thi, đáp án không sai sót; Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt; đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học; các phương pháp đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học; trắc nghiệm chạy trạm; trắc nghiệm trên máy tính; Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan, Thời gian công bố điểm thi phù hợp (bảng 10)

YHCT K43: Tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý >90% về các nội dung: Phân bố lịch thi các môn phù hợp; Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp; Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng; các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi

Tỷ lệ sinh viên YHCT K43 đồng ý và rất đồng ý <80% về các nội dung: Các phương pháp đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học. Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần Thời gian công bố điểm thi phù hợp Thông báo lịch thi kịp thời Trắc nghiệm chạy trạm Trắc nghiệm trên máy tính (bảng 11)

YTCC K42: có 09/09 SV tham gia cho ý kiến. Gần ½ số lượng ít đồng ý về: Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng; Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp; Nội dung đề thi, đáp án không sai sót; hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học; Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý

XN K43: Hầu hết các tiêu chí được sinh viên đồng ý và rất đồng ý, trừ các nội dung: Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học; hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính; Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học (bảng 12)

Bảng 8. Ý kiến của sinh viên Dược K41 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	16.39	58.20	19.67	5.74	0.00	74.59
2	Thông báo lịch thi kịp thời	31.97	61.48	5.74	0.82	0.00	93.44
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	17.21	50.82	25.41	4.92	1.64	68.03
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	27.87	64.75	6.56	0.82	0.00	92.62
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	22.95	60.66	14.75	1.64	0.00	83.61
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	22.95	54.92	19.67	2.46	0.00	77.87
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	14.75	59.84	21.31	3.28	0.82	74.59
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	18.03	63.93	17.21	0.82	0.00	81.97
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	17.21	55.74	18.85	6.56	1.64	72.95
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	14.75	43.44	30.33	9.84	1.64	58.20
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	17.21	58.20	16.39	7.38	0.82	75.41
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	13.11	52.46	23.77	9.02	1.64	65.57
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	10.66	35.25	33.61	15.57	4.92	45.90
14	Tự luận	20.49	54.92	20.49	1.64	2.46	75.41
15	Trắc nghiệm thường	26.23	62.30	11.48	0.00	0.00	88.52
16	Trắc nghiệm chạy trạm	11.48	42.62	24.59	17.21	4.10	54.10
17	Trắc nghiệm trên máy tính	11.48	40.16	27.05	11.48	9.84	51.64
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng,	13.93	60.66	22.13	1.64	1.64	74.59

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
	khách quan						
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	13.93	54.92	26.23	3.28	1.64	68.85
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	13.11	59.84	23.77	3.28	0.00	72.95
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	14.75	59.02	22.13	2.46	1.64	73.77
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	15.57	59.02	22.13	3.28	0.00	74.59
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Nhà trường	15.57	58.20	23.77	1.64	0.82	73.77

Bảng 9. Ý kiến của sinh viên RHM K42 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	35.71	48.21	16.07	0.00	0.00	83.93
2	Thông báo lịch thi kịp thời	44.64	44.64	8.93	1.79	0.00	89.29
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	39.29	48.21	10.71	0.00	1.79	87.50
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	39.29	53.57	7.14	0.00	0.00	92.86
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	41.07	51.79	7.14	0.00	0.00	92.86
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	32.14	60.71	7.14	0.00	0.00	92.86
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	30.36	53.57	14.29	1.79	0.00	83.93
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	35.71	51.79	12.50	0.00	0.00	87.50
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	26.79	48.21	21.43	3.57	0.00	75.00
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	33.93	50.00	12.50	3.57	0.00	83.93
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	30.36	53.57	12.50	3.57	0.00	83.93
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	23.21	51.79	21.43	3.57	0.00	75.00
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	26.79	42.86	14.29	12.50	3.57	69.64
14	Tự luận	32.14	57.14	8.93	0.00	1.79	89.29

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
15	Trắc nghiệm thường	28.57	60.71	7.14	3.57	0.00	89.29
16	Trắc nghiệm chạy trạm	17.86	53.57	14.29	10.71	3.57	71.43
17	Trắc nghiệm trên máy tính	19.64	53.57	12.50	8.93	5.36	73.21
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	25.00	58.93	10.71	5.36	0.00	83.93
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	25.00	57.14	8.93	7.14	1.79	82.14
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	23.21	60.71	12.50	3.57	0.00	83.93
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	23.21	58.93	16.07	1.79	0.00	82.14
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	28.57	50.00	16.07	5.36	0.00	78.57
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	33.93	55.36	8.93	1.79	0.00	89.29

Bảng 10. Ý kiến của sinh viên Y K42 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	25.26	55.67	16.49	1.93	0.64	80.93
2	Thông báo lịch thi kịp thời	36.34	56.57	6.44	0.39	0.26	92.91
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	23.32	51.03	18.81	5.03	1.80	74.36
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	32.86	59.41	7.09	0.26	0.39	92.27
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	36.73	55.93	5.93	0.77	0.64	92.65
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	28.99	54.77	13.79	1.68	0.77	83.76
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	24.36	56.19	16.75	1.68	1.03	80.54
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	26.93	58.51	13.02	1.16	0.39	85.44
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	23.32	56.83	16.11	2.45	1.29	80.15
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	24.48	53.99	17.78	2.96	0.77	78.48
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	22.94	54.90	17.78	2.84	1.55	77.84
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến	21.26	55.28	18.17	3.61	1.68	76.55

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
	thức đã học						
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	18.81	45.36	24.48	8.63	2.71	64.18
14	Tự luận	32.47	55.67	9.92	1.55	0.39	88.14
15	Trắc nghiệm thường	27.32	55.80	14.82	1.68	0.39	83.12
16	Trắc nghiệm chạy trạm	21.78	41.24	22.94	8.89	5.15	63.02
17	Trắc nghiệm trên máy tính	19.72	46.52	18.04	11.08	4.64	66.24
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	22.81	56.06	17.65	2.58	0.90	78.87
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	21.78	55.03	19.07	2.84	1.29	76.80
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	21.13	55.03	19.59	3.09	1.16	76.16
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	22.04	56.96	17.14	2.96	0.90	78.99
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	21.13	55.80	19.20	2.58	1.29	76.93
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	26.16	58.51	14.18	0.90	0.26	84.66

Bảng 11. Ý kiến của sinh viên YHCT K43 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	38.03	54.93	4.23	2.82	0.00	92.96
2	Thông báo lịch thi kịp thời	28.17	49.30	19.72	2.82	0.00	77.46
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	35.21	53.52	9.86	1.41	0.00	88.73
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	40.85	52.11	7.04	0.00	0.00	92.96
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	26.76	64.79	8.45	0.00	0.00	91.55
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	23.94	69.01	7.04	0.00	0.00	92.96
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	25.35	63.38	9.86	1.41	0.00	88.73
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	23.94	57.75	16.90	1.41	0.00	81.69
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	19.72	57.75	18.31	4.23	0.00	77.46

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	18.31	69.01	9.86	2.82	0.00	87.32
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	16.90	64.79	16.90	0.00	1.41	81.69
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	12.68	56.34	23.94	7.04	0.00	69.01
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	23.94	54.93	16.90	4.23	0.00	78.87
14	Tự luận	19.72	64.79	11.27	2.82	1.41	84.51
15	Trắc nghiệm thường	33.80	54.93	7.04	0.00	4.23	88.73
16	Trắc nghiệm chạy trạm	12.68	43.66	21.13	14.08	8.45	56.34
17	Trắc nghiệm trên máy tính	21.13	57.75	18.31	0.00	2.82	78.87
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	23.94	53.52	16.90	4.23	1.41	77.46
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	19.72	56.34	11.27	9.86	2.82	76.06
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	28.17	52.11	16.90	2.82	0.00	80.28
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	23.94	66.20	5.63	4.23	0.00	90.14
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	26.76	60.56	8.45	4.23	0.00	87.32
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	38.03	54.93	4.23	2.82	0.00	92.96

Bảng 12. Ý kiến của sinh viên XN K43 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	38.57	51.43	5.71	4.29	0.00	90.00
2	Thông báo lịch thi kịp thời	48.57	47.14	4.29	0.00	0.00	95.71
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	38.57	52.86	5.71	2.86	0.00	91.43
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	38.57	57.14	1.43	1.43	1.43	95.71
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	50.00	45.71	4.29	0.00	0.00	95.71
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học	34.29	60.00	5.71	0.00	0.00	94.29

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
	tập trước khi thi						
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	32.86	54.29	11.43	1.43	0.00	87.14
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	35.71	51.43	11.43	1.43	0.00	87.14
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	37.14	51.43	10.00	1.43	0.00	88.57
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	32.86	47.14	15.71	2.86	1.43	80.00
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	34.29	50.00	14.29	1.43	0.00	84.29
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	31.43	48.57	17.14	2.86	0.00	80.00
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	30.00	45.71	18.57	4.29	1.43	75.71
14	Tự luận	32.86	51.43	11.43	2.86	1.43	84.29
15	Trắc nghiệm thường	35.71	54.29	8.57	0.00	1.43	90.00
16	Trắc nghiệm chạy trạm	40.00	41.43	12.86	1.43	4.29	81.43
17	Trắc nghiệm trên máy tính	21.43	38.57	12.86	18.57	8.57	60.00
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	40.00	45.71	10.00	4.29	0.00	85.71
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	35.71	54.29	5.71	2.86	1.43	90.00
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	28.57	50.00	11.43	10.00	0.00	78.57
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	37.14	54.29	7.14	1.43	0.00	91.43
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	37.14	54.29	5.71	2.86	0.00	91.43
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	35.71	57.14	5.71	1.43	0.00	92.86

2.3.2 Sinh viên hệ tập trung 4 năm (liên thông)

Bảng 13. Ý kiến của sinh viên YK31 về quy trình kiểm tra đánh giá

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	25.09	62.18	10.91	1.45	0.36	87.27
2	Thông báo lịch thi kịp thời	38.55	56.00	5.09	0.36	0.00	94.55

TT	Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Tạm chấp nhận	Ít đồng ý	Không đồng ý	Tỷ lệ \geq đồng ý
3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	22.91	54.18	18.55	4.00	0.36	77.09
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	35.64	60.36	3.64	0.36	0.00	96.00
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	37.09	56.73	5.45	0.73	0.00	93.82
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	24.36	62.55	10.91	2.18	0.00	86.91
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	21.09	61.82	15.64	1.45	0.00	82.91
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	21.09	57.82	17.09	3.64	0.36	78.91
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	17.45	64.36	14.91	3.27	0.00	81.82
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	18.55	51.64	21.82	8.00	0.00	70.18
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	18.55	62.55	16.00	2.91	0.00	81.09
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	18.18	58.55	18.18	4.36	0.73	76.73
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	14.18	43.64	25.82	11.27	5.09	57.82
14	Tự luận	28.36	60.00	10.18	1.09	0.36	88.36
15	Trắc nghiệm thường	23.27	66.91	8.00	1.82	0.00	90.18
16	Trắc nghiệm chạy trạm	20.36	50.55	16.00	11.64	1.45	70.91
17	Trắc nghiệm trên máy tính	13.82	38.55	22.55	19.64	5.45	52.36
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	22.55	57.45	16.36	2.91	0.73	80.00
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	20.36	58.18	16.36	3.27	1.82	78.55
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	19.64	56.73	18.55	4.73	0.36	76.36
21	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	22.18	62.91	12.73	1.82	0.36	85.09
22	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	22.18	58.91	13.82	4.00	1.09	81.09
23	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	26.18	62.18	9.82	1.82	0.00	88.36

Tỷ lệ sinh viên YK31 đồng ý và rất đồng ý >90% về các nội dung: Thông báo lịch thi kịp thời; cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng; bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp, hình thức trắc nghiệm thường.

Tỷ lệ sinh viên YK31 đồng ý và rất đồng ý <80% về các nội dung: phân bố lịch thi các môn phù hợp; đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung; nội dung đề thi, đáp án không sai sót; đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học; các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học; trắc nghiệm chạy trạm; trắc nghiệm trên máy tính; thời gian công bố điểm thi phù hợp; hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học (bảng 13)

Khóa Y K32 chỉ có 01 nội dung “đồng ý thi trên máy tính” 75.02%

Khóa Dược K32 và YHCT K32 tỷ lệ đồng ý và rất đồng ý rất cao, tất cả đều trên 85%

2.4. Các ý kiến góp ý nhằm nâng cao chất lượng quy trình kiểm tra đánh giá

Có tổng cộng 39 sinh viên có góp ý, gồm các nội dung sau:

- Thi trên máy tính:

Góp ý sai sót (12/39): Việc thi máy tính: thiếu sự công bằng khi mỗi người một dạng đề khác nhau như đề dễ, đề khó, có đề có rất nhiều câu chỉ trong một phần học. Đề sai sót; độ chính xác không cao, có thể copy hỏi bài lẫn nhau gây mất trật tự làm phiền người kế bên. Đáp án còn sai rất nhiều (VD: sinh lý 1 và 2). Thêm thời gian cho các môn thi trên máy tính vì thời gian load của mạng cũng làm mất khá nhiều thời gian thi. Quy trình phúc khảo thi trên máy tính khá phức tạp nên sinh viên sẽ bỏ luôn phần điểm mà đáng lí ra được nhận. Có vẻ như bộ môn nâng điểm không khi phúc khảo.

Ứng hộ thi trên máy tính: (5/39): Thi trắc nghiệm trên máy tính rất hay, thí sinh có thể chủ động phân bố thời gian trả lời các câu hỏi, có thể kiểm tra lại nhưng câu làm sai, hạn chế tình trạng khiếu nại, có thể biết điểm ngay để có kế hoạch thi cải thiện hoặc thi lại phù hợp.

- Đáp án: Đề thi nên xác định đáp án phù hợp tài liệu các bộ môn đã ban hành. Đáp án đề thi môn phụ sản có một số câu đáp án không giống với giáo trình đã học. Đề nghị xem lại cách cho câu hỏi và đáp án trả lời trùng với giáo trình mà sinh viên đã được học. Cần có đáp án cho SV.

- Thời gian chạy trạm ít quá. Sau khi kết thúc trạm cuối cùng cần cho sinh viên khoảng 3 phút để củng cố bài thi. Mỗi môn thi giãn cách ít nhất 5 ngày.

- Đề thi nên bám sát vào chương trình học, nên có đề cương ôn tập các môn, câu hỏi lượng giá trong sách nên bám sát vào bài học. Không nên cho đề dài quá

- Khi có điểm, hệ thống quản lý đào tạo lại không truy cập được. Điểm hệ 10 quy ra điểm hệ 4 thì 5,0 nên đổi ra hệ 4 là 2,0 để sinh viên đạt trung bình còn hiện tại 5,5 mới đổi ra được 2,0 mới được trung bình thì hơi cao cho sinh viên.

Khác:

- Sách giáo khoa của hệ 4 năm so với sách giáo khoa của hệ 6 năm thì dường như chưa được chỉnh lại, không sát với nội dung thực hành; khi đi thực tập thì còn có nhiều giáo viên còn phân biệt với hệ 4 năm.

- Việc sắp xếp môn học: giữa các lớp ABCD và EFGH có những môn học khác nhau mà lại xét học bổng thì chung toàn khóa. Như học kì rồi lớp EFGH k42 mỗi lớp 20 mấy người nhận học bổng trong khi lớp ABCD thì chỉ có 1-2 người 1 lớp. Sang học kì này thì ngược lại.

2.4 Tóm tắt

Bảng 14. Ranking các ý kiến

TT	Nội dung	Đồng ý cao	Ít, không đồng ý
1	Thông báo lịch thi kịp thời	94.67	5.88
2	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng	94.23	6.37
3	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp	93.53	7.29
4	Trắc nghiệm thường	88.74	12.89
5	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường	88.68	12.46
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi	88.41	13.11
7	Tự luận	88.25	13.66
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung	87.16	14.42

9	Phân bố lịch thi các môn phù hợp	86.18	16.00
10	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng	85.53	16.21
11	Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý	84.28	18.28
12	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần	83.62	19.31
13	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan	83.30	19.48
14	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt	82.92	20.40
15	Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch	82.81	20.46
16	Thời gian công bố điểm thi phù hợp	81.72	21.98
17	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng	80.36	24.05
18	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học	80.20	23.83
19	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học	79.87	24.27
20	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót	79.27	24.92
21	Trắc nghiệm chạy trạm	72.03	38.57
22	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.	69.04	41.02
23	Trắc nghiệm trên máy tính	65.56	51.80

Căn cứ trên tỷ lệ ý kiến (mục 2.2), ranking các ý kiến (bảng 14) và các ý kiến góp ý, các nội dung cần tiếp tục xây dựng kế hoạch phát huy và xem xét xây dựng giải pháp cải tiến; là:

Ba nội dung cần tiếp tục phát huy:

1. Thông báo lịch thi kịp thời
2. Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng
3. Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp

Mười nội dung cần xem xét để cải tiến:

1. Trắc nghiệm trên máy tính

2. Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.
3. Trắc nghiệm chạy trạm
4. Nội dung đề thi, đáp án không sai sót
5. Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học
6. Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học
7. Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng
8. Thời gian công bố điểm thi phù hợp
9. Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch
10. Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt

3. Chỉ đạo sử dụng kết quả khảo sát

3.1 Rút kinh nghiệm về quy trình khảo sát

- **Bộ công cụ khảo sát:** chưa đủ hết các tiêu chí của một quy trình kiểm tra đánh giá, bao gồm đánh giá quá trình (formative assessment) và (summative assessment). Các tiêu chí về đề thi, không đánh giá được ý kiến đề thi cho học phần nào. Cần chỉnh lại bộ công cụ

- **Nhập liệu:** Tuy có ghi rõ nội dung yêu cầu chọn lựa nhưng chưa thiết lập ràng buộc chọn phần trả lời có phúc khảo thì trả lời mục quy trình phúc khảo nên kết quả sinh viên đều trả lời tất cả câu hỏi (không lựa chọn). Đề xuất tạo ràng buộc khi nhập câu hỏi vào hệ thống đối với loại câu hỏi này

- **Quá trình thực hiện đánh giá (khảo sát) của sinh viên:** sinh viên không chọn câu hỏi loại trừ, trả lời tất cả câu hỏi nên kết quả không chính xác. Đề xuất ra thông báo hướng dẫn sinh viên trước khi thực hiện khảo sát và kết hợp tạo ràng buộc khi nhập câu hỏi dạng này.

- **Xuất kết quả của phần mềm:**

+ Phần xuất kết quả góp ý khác (cho sinh viên nhập vào) chưa tách tên và mã số sv, chưa có lớp. Đề xuất trên phần mềm thêm lớp và tách họ tên, mã số thành cột.

+ Do chưa lập ma trận số lượng nên lượng sinh viên chọn thực hiện khảo sát ít, kết quả thống kê không đạt kết quả cao. Cần cải tiến khảo sát 100% sinh viên.

+ Số lượng sinh viên liên thông tham gia khảo sát rất ít tạo khó khăn cho thống kê kết quả vì đa số sinh viên không tự lên hệ thống xem điểm mà đại diện lớp trưởng thực hiện khảo sát xong được xem điểm của lớp trưởng và vào mục xem điểm nhóm học phần sẽ xem điểm của cả lớp. Đề xuất chỉnh sửa phần mềm ẩn mục xem điểm nhóm học phần.

+ Xuất kết quả chi tiết chưa xuất theo Mã SV, lớp, ngành, chưa thể hiện % tạo sự khó khăn khi thống kê báo cáo kết quả. Đề xuất chỉnh sửa phần xuất kết quả theo lớp và có thể phần trăm (%) kết quả theo dạng cột của từng tiêu chí.

3.2 Sử dụng kết quả khảo sát

Phòng Đảm bảo chất lượng gửi kết quả chi tiết của từng cán bộ về cho lãnh đạo các đơn vị triển khai rút kinh nghiệm.

Căn cứ kết quả và các nội dung rút kinh nghiệm, phòng Đảm bảo chất lượng và các khoa, phòng Khảo thí tổ chức họp rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch cải tiến sau 02 tuần công bố báo cáo. Phòng Đảm bảo chất lượng giám sát, tổng hợp công tác rút kinh nghiệm- cải tiến và báo cáo.

Phòng Khảo Thí phản hồi các ý kiến đóng góp của người học trong các buổi đối thoại sinh viên.

Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng



Phạm Thị Mỹ Ngọc



★ Nguyễn Trung Kiên

Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: HCTH.ĐBCL

Phụ lục: Bộ câu hỏi khảo sát



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI HỌC VỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Nhằm kịp thời cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, anh /chị vui lòng cho ý kiến đánh giá về các vấn đề sau đây. Thông tin phản hồi sẽ được bảo mật và chỉ được Trường sử dụng để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

I. Thông tin chung:

Họ và tên:.....Mã số SV:.....Nam/Nữ:.....

Lớp.....Ngành.....Khoa.....

Số điện thoại:.....Email:.....

II. Nội dung đánh giá

Từ câu 1 đến câu 10, Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ với quy ước như sau:

0. Không hài lòng 1. Hài lòng ít 2. Tạm chấp nhận 3. Hài lòng 4. Rất hài lòng

Hoặc

0. Không đồng ý 1. Ít đồng ý 2. Tạm chấp nhận 3. đồng ý 4. Rất đồng ý

Đánh giá mức độ công tổ chức kiểm tra đánh giá		Mức độ đồng ý/hài lòng				
		0	1	2	3	4
1	Phân bố lịch thi các môn phù hợp					
2	Thông báo lịch thi kịp thời					

3	Sắp xếp phòng thi hợp lý về số lượng					
4	Cán bộ coi thi nghiêm túc, công bằng					
5	Bố trí các học phần tập trung theo học kỳ là phù hợp					

Đánh giá về mức độ hài lòng về đề thi		Mức độ hài lòng/ đồng ý				
		0	1	2	3	4
6	Các học phần được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi thi					
7	Đề thi có bố cục, hình thức rõ ràng					
8	Đề thi hợp lý về thời lượng, nội dung					
9	Nội dung đề thi bám sát mục tiêu học phần					
10	Nội dung đề thi, đáp án không sai sót					
11	Đề thi có khả năng phân loại sinh viên tốt					
12	Đề thi phát huy khả năng sáng tạo, tổng hợp vấn đề và ứng dụng kiến thức đã học					
13	Các phương đánh giá học tập khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của người học.					

Đánh giá về các hình thức đã thi		Mức độ đồng ý				
		0	1	2	3	4
14	Tự luận					
15	Trắc nghiệm thường					
16	Trắc nghiệm chạy trạm					
17	Trắc nghiệm trên máy tính					

Đánh giá về chấm và công bố kết quả		Mức độ đồng ý/hài lòng				
		0	1	2	3	4
18	Kết quả chấm chính xác, công bằng, khách quan					
19	Thời gian công bố điểm thi phù hợp					
20	Hình thức công bố điểm thi phù hợp, thuận lợi cho người học					

Đánh giá về quy trình phúc khảo kết quả (Nếu Anh/Chị không có phúc khảo trong học kỳ vừa qua thì chỉ đánh giá mục 21 và 24)		Mức độ đồng ý/hài lòng				
		0	1	2	3	4
21	4.1 Quy trình phúc khảo bài thi hợp lý					
22	Được tiếp nhận và giải quyết thắc mắc thỏa đáng					
23	Thời gian công bố kết quả phúc khảo kịp thời					
24	4.4 Kết quả phúc khảo được công bố công khai, minh bạch					
25	Hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá của Trường					

25. Ý kiến về công tác kiểm tra đánh giá của trường?

.....

Nhà trường cảm ơn các anh/chị đã đóng góp ý kiến và chúc anh/chị thành công trong học tập!